

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Bà Trương Thị Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên
tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 38/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị B, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt đề ngày 12/7/2021).

- Bị đơn: Anh C, sinh năm 1981. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số D03/15, Khóm 3, Phường 8, thành phố I, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà D, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

NỘI D V U Á N:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04 tháng 3 năm 2021, biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 3 năm 2021, nguyên đơn, chị B trình bày: Chị và anh C xây dựng hôn nhân năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố I, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển 01, ngày 10/9/2007, vợ chồng chung sống có một con chung tên E, sinh ngày 19/02/2008, hiện con đang sống chung với vợ chồng chị; tài sản chung chị và anh C

tự thỏa thuận, nợ tiền hui của bà D số tiền 50.000.000 đồng, chị và anh C sẽ tự thanh toán nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân ly hôn là do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh C thường xuyên ghen tuông, cự cãi, đánh đập chị trước mặt mọi người. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh C, không yêu cầu đoàn tụ; yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu E, sinh ngày 19/02/2008, yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tài sản chung là căn nhà vách tường, thiếc, nền gạch men, mái lợp tôn firo xi măng, nhà cất trên đất của cha mẹ ruột chị cho mượn. Đối với căn nhà này vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung là 50.000.000 đồng tiền nợ hui của bà D, vợ chồng chị sẽ cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2021, bị đơn anh C trình bày: Anh và chị B xây dựng hôn nhân năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển 01, ngày 10/9/2007, vợ chồng chung sống có một con chung tên E, sinh ngày 19/02/2008, đang sống chung với chị B. Tài sản chung giữa anh và chị B là 01 căn nhà cấp IV cất trên đất cha mẹ vợ cho mượn, nợ tiền hui của bà D số tiền 50.000.000 đồng. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị B vì anh còn B vợ, con anh còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả cha lẫn mẹ, anh yêu cầu cho anh thời hạn đến ngày 08/7/2021 để anh hàn gắn đoàn tụ với chị B nếu không hàn gắn được thì anh đồng ý ly hôn, con chung thì tùy theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi, người không nuôi con không cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung anh và chị B sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 23/3/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D trình bày: Ngày 10/11/2019, bà có mở dây hui tháng, hui 5.000.000 đồng, dây hui có 27 chân, chị B tham gia 01 chân, đã hót hui ở kỳ thứ 3, đóng được 14 kỳ hui chết và hiện còn nợ 10 kỳ hui chết số tiền 50.000.000 đồng. Trường hợp vợ chồng chị B và anh C ly hôn thì bà không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền nợ hui này. Nếu có xảy ra tranh chấp thì sẽ khởi kiện ở một vụ án khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh C. Giao con cho chị B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 22/9/2021 đến khi cháu E đủ 18 tuổi. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của chị B đối với anh C. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình chị B phải chịu 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng anh C phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị B yêu cầu ly hôn và giải quyết về nuôi con khi ly hôn với anh C, hiện nay anh C cư trú tại ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội D:

[3.1] Về hôn nhân: Chị B và anh C xây dựng hôn nhân năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố I, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển 01, ngày 10/9/2007 nên hôn nhân giữa chị B và anh C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh C thường

xuyên ghen tuông, cự cãi, đánh đập chị trước mặt mọi người. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay chị B cương quyết yêu cầu ly hôn với anh C. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2021, anh C yêu cầu cho anh thời gian để hàn gắn trường hợp hàn gắn không được thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B. Nhưng đến thời điểm hiện nay, anh C vẫn không có biện pháp gì để hàn gắn do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh C.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị B và anh C có một con chung tên E, sinh ngày 19/02/2008, hiện con đang sống chung với vợ chồng chị. Chị B có nguyện vọng được nuôi con. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu E thì cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị B. Mặc khác, tại biên bản lấy lời khai anh C xác định trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị B ly hôn thì con có nguyện vọng được sống chung với ai thì người đó nuôi. Do đó, cần tiếp tục giao cháu E, sinh ngày 19/02/2008 cho chị B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Anh C có ý kiến rằng con theo ai thì người đó nuôi, người còn lại không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật mỗi tháng 800.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 22/9/2021 đến khi cháu E đủ 18 tuổi.

Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung: Chị B và anh C thống nhất vợ chồng có tài sản chung là 01 căn nhà cấp IV cất trên đất của cha mẹ vợ cho mượn nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị B và anh C xác định có nợ tiền hụi của bà D, hiện nay anh chị vẫn đóng hụi hàng tháng cho bà D; đồng thời bà D cũng có ý kiến không yêu cầu chị B và anh C trả nợ trong vụ án này, nếu xảy ra tranh chấp sẽ khởi kiện ở một vụ án khác, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự về hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, chị B phải chịu 300.000 đồng.

Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con, anh C phải chịu 300.000 đồng.

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

TE xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh C. Xử cho chị B được ly hôn với anh C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu E, sinh ngày 19/02/2008 cho chị B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu E, sinh ngày 19/02/2008 mỗi tháng 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 22/9/2021 đến khi cháu E đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn của chị B đối với anh C.

6. Về án phí: Án phí Hôn nhân và Gia đình: Chị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng. Chị B đã nộp tạm ứng án phí 5.550.000 đồng (Năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008563 ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên

được chuyển thu án phí. Chị B được nhận lại 5.250.000 (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con anh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng nộp Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A
- UBND Phường 8, tp. Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến